

Số: 2474/QĐ-ĐHTN

Thái Nguyên, ngày 31 tháng 12 năm 2021

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Đại học Thái Nguyên**

### GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị định 84/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

Căn cứ Công văn số 2139/BGDĐT-KHTC ngày 25/05/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn tiếp nhận khoản viện trợ không hoàn lại theo quy định của Nghị định 56/2020/NĐ-CP và Nghị định 80/2020/NĐ-CP.

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Khoa học Công nghệ và Đối ngoại.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Đại học Thái Nguyên.

**Điều 2.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng ban chức năng, Thủ trưởng các đơn vị thành viên, đơn vị thuộc và trực thuộc Đại học Thái Nguyên, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *Nguyễn Văn S*

- Như Điều 3
- Bộ GDĐT (b/c);
- Lưu: VT, KHCN&ĐN

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC  
ĐẠI HỌC  
THÁI NGUYÊN  
PGS.TS. Trần Thanh Vân

## QUY ĐỊNH

### Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Đại học Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~2474~~ 2474/QĐ-ĐHTN, ngày 31 tháng 12 năm 2021  
của Giám đốc Đại học Thái Nguyên)

## Chương I

### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Văn bản này quy định về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Đại học Thái Nguyên (ĐHTN), các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc, đơn vị thuộc và đơn vị cấu thành ĐHTN (sau đây gọi chung là đơn vị) nhằm mục đích phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ, không vì mục đích lợi nhuận, thương mại.

2. Các trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy định này:

a) Các khoản viện trợ không hoàn lại của các cơ quan, tổ chức nước ngoài mà việc tiếp nhận phải được ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế và các khoản viện trợ không hoàn lại trong các thỏa thuận về vốn ODA phải được ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

b) Các khoản quà biếu, quà tặng cho các đơn vị không vì mục đích hỗ trợ nhân đạo, từ thiện.

c) Các khoản tài trợ theo các hình thức thỏa thuận hợp tác, hợp đồng dịch vụ, hợp đồng chuyển giao công nghệ có phát sinh lợi nhuận để phân chia.

d) Các cá nhân tiếp nhận tài trợ cho hoạt động nghiên cứu khoa học thực hiện theo Luật Khoa học Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013.

đ) Viện trợ quốc tế khẩn cấp của Chính phủ, tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài, cá nhân nước ngoài để cứu trợ được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 03 tháng kể từ khi xảy ra thiên tai và viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 09 tháng kể từ khi thiên tai xảy ra.

#### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này áp dụng đối với đơn vị, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức (sau đây gọi tắt là viện trợ) thuộc phạm vi điều chỉnh nêu tại Điều 1 Quy định này.

2. Bên cung cấp viện trợ trong Quy định này là các tổ chức, cá nhân nước ngoài có thiện chí, tôn trọng và chấp hành luật pháp Việt Nam, bao gồm:

a) Các tổ chức phi chính phủ nước ngoài, tổ chức phi lợi nhuận, các quỹ xã hội, quỹ tư nhân được thành lập theo luật pháp nước ngoài.

b) Các cá nhân nước ngoài, bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

c) Các doanh nghiệp, công ty được thành lập theo luật pháp nước ngoài, không bao gồm các tổ chức kinh tế có vốn nước ngoài hoạt động tại Việt Nam theo quy định của Luật Đầu tư.

d) Các tổ chức nghiên cứu và đào tạo được thành lập theo luật pháp nước ngoài (bao gồm cả các viện nghiên cứu, tổ chức hợp tác thuộc chính phủ nước ngoài).

đ) Các bộ, cơ quan, tổ chức thuộc chính phủ nước ngoài, cơ quan đại diện ngoại giao của các nước tại Việt Nam trực tiếp cung cấp khoản viện trợ, hoặc ủy quyền cho các tổ chức pháp nhân nước ngoài quản lý các khoản viện trợ mà việc tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ không yêu cầu phải ký kết chính thức theo quy định của Luật Điều ước quốc tế hoặc không yêu cầu bên Việt Nam ký kết nhân danh Nhà nước hoặc Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

3. Bên tiếp nhận viện trợ trong Quy định này là ĐHTN, các trường đại học thành viên, đơn vị trực thuộc, đơn vị thuộc và đơn vị cấu thành ĐHTN có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của khoản viện trợ tiếp nhận.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Ban quản lý chương trình, dự án” (sau đây gọi là “Ban quản lý dự án”) là tổ chức được thành lập để giúp chủ khoản viện trợ, chủ dự án quản lý thực hiện một hoặc một số chương trình, dự án.

2. Các phương thức viện trợ bao gồm: chương trình, dự án, phi dự án, trong đó:

a) “Chương trình” là tập hợp các hoạt động liên quan đến một hoặc nhiều ngành, lĩnh vực, nhiều vùng lãnh thổ, nhiều chủ thể khác nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu xác định, được thực hiện trong một hoặc nhiều giai đoạn.

b) “Dự án” là tập hợp các hoạt động có liên quan đến nhau nhằm đạt được một hoặc một số mục tiêu, được thực hiện trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định, dựa trên nguồn lực xác định.

c) “Phi dự án” là khoản viện trợ thực hiện một lần, riêng lẻ bằng tiền, hiện vật, hàng hoá, chuyên gia (kể cả chuyên gia tình nguyện), cung cấp các đầu vào để tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn, nghiên cứu, khảo sát, đào tạo.

3. “Cơ quan chủ quản” là Bộ Giáo dục và Đào tạo; “Cơ quan quản lý” là ĐHTN.

4. “Chủ khoản viện trợ” là đơn vị được giao trách nhiệm quản lý, thực hiện khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Chủ khoản viện trợ được gọi là “Chủ Dự án” trong trường hợp khoản viện trợ thực hiện theo phương thức chương trình, dự án.

5. “Khoản viện trợ” thuộc phạm vi của Quy định này là hỗ trợ tài chính hoặc hàng hóa và dịch vụ không phải hoàn lại mà Bên cung cấp viện trợ dành cho Bên tiếp nhận viện trợ để thực hiện các mục tiêu phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ, không nhằm mục đích thương mại, lợi nhuận.

6. “Văn kiện chương trình, dự án” là tài liệu chính thức thể hiện cam kết giữa Bên cung cấp viện trợ và Bên tiếp nhận viện trợ về một chương trình, dự án cụ thể, trong đó xác định rõ: mục tiêu, các hoạt động, kết quả cần đạt được, nguồn lực được sử dụng, thời gian và kế hoạch thực hiện, tổ chức quản lý thực hiện chương trình, dự án, nghĩa vụ, quyền lợi của các bên liên quan.

7. “Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước” là các khoản viện trợ nếu bên tiếp nhận là các cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 8 Điều 3 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ về quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

8. “Vốn đối ứng” là khoản vốn đóng góp của phía Việt Nam (bằng hiện vật hoặc tiền) để tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ. Vốn đối ứng được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước, chủ khoản viện trợ tự bố trí, vốn đóng góp của đối tượng thụ hưởng và các nguồn vốn hợp pháp khác. Vốn đối ứng được sử dụng cho quá trình chuẩn bị và thực hiện các khoản viện trợ theo yêu cầu cụ thể của chương trình, dự án.

#### **Điều 4. Nguyên tắc trong quản lý và sử dụng viện trợ**

Việc quản lý và sử dụng khoản viện trợ tuân thủ theo các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP, quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và ĐHTN.

#### **Điều 5. Hành vi bị cấm trong sử dụng viện trợ**

1. Sử dụng viện trợ để phục vụ mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, trốn thuế, xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xâm hại đạo đức xã hội, thuần phong, mỹ tục và bản sắc văn hóa dân tộc.

2. Sử dụng viện trợ để tìm kiếm lợi nhuận phân chia, tư lợi cá nhân, không vì mục đích nhân đạo, phát triển kinh tế xã hội, không vì lợi ích cộng đồng.

3. Các hành vi tham nhũng, gây thất thoát, lãng phí trong quản lý và sử dụng viện trợ.

#### **Điều 6. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ**

1. Đối với các khoản viện trợ do cơ quan chủ quản là các đơn vị được ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động, cơ quan chủ quản lập kế hoạch vốn chuẩn bị để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách nhà nước (trung ương và địa phương), chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ.

3. Trường hợp Bên cung cấp viện trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị chương trình, dự án, chủ khoản viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ**

#### **Điều 7. Lập, thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ**

##### 1. Lập hồ sơ khoản viện trợ

a) Bên tiếp nhận viện trợ, chủ khoản viện trợ phối hợp với bên cung cấp viện trợ lập hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP. Kết cấu văn kiện chương trình, dự án theo mẫu tại Phụ lục I, II, III ban hành kèm theo Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

b) Đối với dự án viện trợ có nội dung đầu tư công, đầu tư xây dựng phải được xây dựng theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư công và đầu tư xây dựng công trình.

##### 2. Thẩm định và phê duyệt khoản viện trợ

Đối với những dự án phi chính phủ nước ngoài thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo (có nội dung không liên quan đến lĩnh vực an ninh, quốc phòng, tôn giáo; các khoản viện trợ có mục tiêu trực tiếp hỗ trợ xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật; hàng hóa nhập khẩu thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật có liên quan và những trường hợp khác không quy định tại các khoản 2, 3, 4 Điều 7 của Nghị định 80/2020/NĐ-CP) thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Đối với các chương trình, dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn viện trợ; chương trình, dự án đầu tư sử dụng viện trợ; phi dự án sử dụng vốn viện trợ, các đơn vị lập Văn kiện dự án phi chính phủ nước ngoài tương ứng theo các mẫu quy định tại Phụ lục I, Phụ lục II và Phụ lục III Nghị định 80/2020/NĐ-CP và gửi về ĐHTN (qua Ban Khoa học Công nghệ và Đối ngoại) để báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành các thủ tục thẩm định và phê duyệt Văn kiện dự án theo quy định.

#### **Điều 8. Xây dựng kế hoạch tổng thể và kế hoạch thực hiện hằng năm khoản viện trợ**

1. Sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, Chủ dự án có trách nhiệm lập: (i) Kế hoạch tổng thể thực hiện dự án; (ii) Kế hoạch chi tiết thực hiện hằng năm của chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án gửi ĐHTN (qua Ban Khoa học Công nghệ và Đối ngoại) để báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định, phê duyệt. Kế hoạch tổng thể thực hiện dự án, Kế hoạch chi tiết thực hiện hằng năm do cơ quan chủ quản phê duyệt là cơ sở để Bộ Giáo dục và Đào tạo thẩm định, phân bổ dự toán ngân sách hằng năm đối với viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

2. Kế hoạch thực hiện hằng năm bao gồm Kế hoạch hoạt động, Kế hoạch tài chính, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có) do Chủ dự án, Ban Quản lý dự án chịu trách nhiệm lập và trình cơ quan chủ quản phê duyệt theo quy định, trong đó lưu ý: (i) Về thời hạn nộp Kế hoạch thực hiện hằng năm: Do cơ quan chủ quản hướng dẫn và yêu cầu đối với các đơn vị; (ii) Về nội dung lập Kế hoạch hoạt động, Kế hoạch tài chính, Kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Tuân thủ theo quy định của luật Ngân sách nhà nước, luật đấu thầu, các văn bản pháp quy liên quan đến quản lý tài chính viện trợ không hoàn lại của cấp có thẩm quyền; (iii) Đối với những cấu phần, hoạt động sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Kế hoạch thực hiện hằng năm trình cơ quan chủ quản phê duyệt phải kèm dự toán chi tiết các hoạt động dự kiến triển khai, kèm thư không phản đối của nhà tài trợ và hồ sơ, minh chứng phục vụ công tác thẩm định các hoạt động đấu thầu theo quy định.

### **Điều 9. Quản lý thực hiện viện trợ**

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, cơ quan chủ quản quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định 80/2020/NĐ-CP.

2. Trên cơ sở tiếp nhận viện trợ của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, chủ khoản viện trợ tổ chức bộ máy quản lý chương trình, dự án và thực hiện quản lý, sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

3. Trường hợp thành lập Ban Quản lý dự án đại diện cho chủ khoản viện trợ thì thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn trong khuôn khổ dự án tại Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án thì thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

5. Sau khi kết thúc, chủ dự án tổ chức nghiệm thu, đánh giá, và tiến hành các biện pháp cần thiết để khai thác và bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng dự án và gửi báo cáo kết thúc dự án về Bộ Giáo dục và Đào tạo qua ĐHTN.

### **Điều 10. Quản lý tài chính**

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

2. Đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

a) Quản lý, sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước: Thực hiện theo quy định tại Luật Ngân sách nhà nước. Chủ dự án có trách nhiệm lập, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước 03 năm và hằng năm gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) theo thời hạn do Bộ Giáo dục và Đào tạo yêu cầu để phục vụ công tác thẩm định, đăng ký dự toán ngân sách nhà nước với cấp có thẩm quyền.